TAND HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/ HS-ST
Ngày 10/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Văn Phẩm
2. Ông Vũ Ngọc Côn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2018/ HSST ngày 15/3/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hồng S** - sinh năm 1998; Tên gọi khác: Không.

Sinh, trú quán: Thôn Th, xã C Đ, huyện S Đ, tỉnh B G.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Khồng nghề nghiệp.

Trình độ văn hoá: Lớp 8/12.

Đảng, đoàn thể: Không.

Con ông: Nguyễn Văn X, sinh năm 1962.

Con bà: Lại Thị K, sinh năm 1963.

Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị bắt theo Quyết định truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2018. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Lục Ngạn (Có mặt).

* Người bị hại: Anh Vi Văn Đ - Sinh năm 1996

Trú quán: V P – T H – L Ng – B G (Có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Văn Đ1 - Sinh năm 1992

HKTT: Đội 6 – H Đ – H H – N Đ.

Nơi cư trú: Số 99, Đ T Đ, phường Tr L, quận Đ Đ, Thành phố H N (Vắng mặt).

Anh Nguyễn Quốc Tr – Sinh năm 1997

Trú quán: H 1 – A Ch – S Đ – B G (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 16/9/2017, Nguyễn Hồng S - sinh năm 1998, trú tại thôn Th, xã C Đ, huyện S Đ, tỉnh B G đang chơi ở khu vực ngã ba thôn Th V 1, xã T H, huyện L Ng thì gặp anh Vi Văn Đ - sinh năm 1996, trú tại thôn V P, xã T H, huyện L Ng đi 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47, màu đen bạc đến. Do quen biết nhau từ trước nên S rủ anh Đ đi xuống thôn C Ch, xã P Đ, huyện L Ng để mua đồ về săm hình cho anh Đ, thì anh Đ đồng ý. Sau đó S điều khiển xe mô tô của anh Đ chở anh Đ đi xuống thôn C Ch, xã P Đ. Khi đi đến quán cơm L M ở thôn C Ch, xã P Đ thì anh Đ rủ S vào ăn cơm nhưng S nói S ăn rồi không ăn nữa. S bảo anh Đ vào quán ăn cơm để S mượn xe mô tô đi mua đồ về săm hình cho anh Đ thì anh Đ đồng ý. Anh Đ giao cho S mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47, màu đen bạc của mình, rồi một mình vào quán ăn cơm. Khi mượn được xe mô tô của anh Đ, S nảy sinh ý định mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu. Thực hiện ý định trên S điều khiển xe mô tô của anh Đ đi thẳng xuống thành phố H N. Đi đến gần thành phố H N thì xe mô tô của anh Đbị hết xăng, S rẽ vào một cây xăng để đổ xăng. Khi mở cốp xe mô tô ra thì S thấy bên trong cốp xe có giấy đăng ký của chiếc xe mô tô mang tên anh Vi Văn Đ. Đổ xăng

xong, S điều khiển xe mô tô của anh Đ đi đến hiệu cầm đồ Lê Minh Tâm của anh Phạm Văn Đ1 - sinh năm 1992, trú tại số 99, Đ T Đ, phường Tr Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội vào gạ cầm cố chiếc xe mô tô cho anh Đ1 với giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Anh Đ1 hỏi giấy chứng minh nhân dân của S, do trước đó ngày 01/9/2017 Sơn có đến nhà anh Nguyễn Quốc Tr - sinh năm 1997, trú tại thôn H 1, xã A Ch, huyện S Đ, tỉnh B G (là bạn của S) chơi, S có nhặt được của anh Tr 01 giấy chứng minh nhân dân, nên S nói với anh Đ1 mình tên là Tr và đưa cho anh Đ1 xem giấy chứng minh dân mang tên Nguyễn Quốc Tr - sinh năm 1997, trú tại xã A Ch, huyện S Đ, tỉnh B G. Sau khi xem giấy chứng minh nhân dân do S đưa cho, anh Đ1 thấy ảnh trong chứng minh nhân dân giống với S nên đồng ý cho S cầm cố chiếc xe mô tô với giá 8.000.000đ và làm Hợp đồng cầm cố xe mô tô với S. Khi làm hợp đồng cầm cố xe mô tô thì S ký tên mình là Nguyễn Quốc Tr ở phần người cầm đồ, tài sản. Làm hợp đồng xong anh Đ1 đưa cho S 8.000.000đ (Tám triệu đồng), S để lại cho anh Đ1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47, màu đen bạc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên anh Vi Văn Đ cho anh Đ1. Cầm cố chiếc xe mô tô của anh Đ xong, S đi chơi lang thang ở khu vực thành phố Hà Nội được khoảng 30 phút thì S nghĩ rằng xe mô tô của anh Đ vẫn có thể cầm cố thêm được tiền nên S quay lại hiệu cầm đồ của anh Đ1 nói với anh Đ1 là cho S lấy thêm 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nữa, thì anh Đ1 đồng ý đưa thêm cho S 2.000.000đ và làm lại hợp đồng cầm cố chiếc xe mô tô với giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau đó S bỏ đi chơi lang thang, số tiền cầm cố xe mô tô của anh Đ được S đã chi tiêu cá nhân hết.

Đối với anh Vi Văn Đ, sau khi cho S mượn xe mô tô, anh Đ vào quán ăn cơm xong đợi lâu không thấy S quay lại trả xe mô tô nên anh Đ đã đi về nhà mình. Khoảng 04 ngày sau anh Đ đến nhà S thì gặp S ở nhà, anh Đ hỏi S về xe mô tô của mình thì S trả lời là S đã cầm cố ở Hà Nội, sau đó anh Đ đã làm đơn trình báo hành vi của S đến Công an huyện L Ng. Nhận được đơn trình báo của anh Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L Ng đã mời S đến trụ sở để làm việc. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L Ng, lúc đầu S khai nhận sau khi mượn được xe mô tô của anh Đ, S có gặp một người bạn tên là Long ở Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc, Long có rủ Sơn đến khu công Nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh chơi với anh Nguyễn Quốc Tr, sau đó

anh Tr đã mang chiếc xe mô tô của anh Đ đi cầm cố, sau đó S bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 21/9/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L Ng đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô của anh Vi Văn Đ bị S chiếm đoạt. Tại Kết luận định giá tài sản số 242/KL-HĐ ngày 27/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L Ngkết luận: Giá trị của chiếc xe mô tô trên ở vào thời điểm bị chiếm đoạt là 12.180.000đ (Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 28/9/2017, anh Phạm Văn Đ1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Quốc Tr; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, mang tên Vi Văn Đ.

Ngày 18/10/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành cho anh Phạm Văn Đ1 nhận dạng người đã cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47 vào ngày 16/9/2017. Kết quả anh Đ1 đã nhận dạng chính xác Nguyễn Hồng S chính là người đã cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47 cho anh.

Ngày 05/10/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L Ng đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong giấy hợp đồng cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Lê Minh Tâm, địa chỉ số 99, Đ T Đ, phường Tr L, quận Đ Đ, thành phố H N có phải của Nguyễn Quốc Tr không? Có phải của Nguyễn Hồng S không. Tại kết luận giám định số 1560/KL-PC54 ngày 18/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Chữ viết "Nguyễn Quốc Tr" dưới mục "Người cầm đồ tài sản" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Nguyễn Quốc Tr trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3 là không phải do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết "Nguyễn Quốc Tr" dưới mục "Người cầm đồ tài sản" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Nguyễn Hồng S trên các tài liệu mẫu ký hiệu M4, M5 là do cùng một người viết ra.

Ngày 17/11/2017 Cơ quan điều tra đã ra Lệnh truy nã đối với Nguyễn Hồng S. Đến ngày 12/02/2018 đã bắt được Nguyễn Hồng S tại thôn Th, xã C Đ, huyện S Đ. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Hồng S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo Nguyễn Hồng S đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận việc lạm dụng tín nhiệm của anh Đ, sau đó vì không có tiền nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47 để cắm lấy tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin lỗi anh Vi Văn Đ và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của anh Vi Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra công an huyện L Ng. Tại phiên tòa anh Đ xác định đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47 và giấy tờ bị mất, anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì; Về trách nhiệm hình sự anh đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã được công bố tại phiên tòa.

Tại bản Cáo trạng số 22/KSĐT ngày 15 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồng S về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn giữ quyền công tố nhà nước tại phiên toà đã luận tội bị cáo, phân tích tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 140 năm 1999; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Hồng S từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (12/02/2018).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585; 586 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Văn Đ1 số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng chẵn).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; 26; 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Hồng S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L Ng, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tang vật chứng thu hồi được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: "Khoảng 14 giờ ngày 16/9/2017, Nguyễn Hồng S đã có hành vi mượn của anh Vi Văn Đ - sinh năm 1996, trú tại thôn V Ph, xã T H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47, màu đen bạc rồi mang đến hiệu cầm đồ Lê Minh Tâm của anh Phạm Văn Đ1 - sinh năm 1992, trú tại số 99, Đ T Đ, phường Tr L, quận Đ Đ, thành phố H N cầm cố lấy 10.000.0000đ để chi tiêu cá nhân hết, trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47 của anh Đ là 12.180.000đ".

[2] Hành vi nêu trên của Nguyễn Hồng S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của bị cáo, của những người tham gia tố tụng khác và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L Ng đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo thường xuyên lêu lổng, tụ tập với các đối tượng chơi bời, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, không có ý thức khắc phục hậu quả cho người bị hại, điều đó chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi địa phương một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Đối với anh Phạm Văn Đ1 - sinh năm 1992, trú tại số 99, Đ T Đ, phường Tr L, quận Đ Đ, thành phố H N là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47 của anh Vi Văn Đ do Nguyễn Hồng S cầm cố. Quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên anh Đ1 không biết đó là xe mô tô do S phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về vật chứng của vụ án: Ngày 31/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L Ng đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Vi Văn Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, loại Wave an pha, biển kiểm soát 98E1-295.47, mang tên Vi Văn Đ.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân mang tên Nguyễn Quốc Tr, sau khi bị mất giấy chứng minh nhân dân, anh Nguyễn Quốc Tr đã xin cấp lại giấy chứng minh nhân dân mới nên anh Tr không đề nghị được xin lại, nên chuyển theo hồ sơ vụ án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: anh Vi Văn Đ đã nhận lại đầy đủ tài sản của mình và không yêu cầu Nguyễn Hồng S phải bồi thường gì thêm. Anh Phạm Văn Đ1 yêu cầu Nguyễn Hồng S phải bồi thường cho anh số tiền 10.000.000đ anh đã bỏ ra cầm cố chiếc xe mô tô của S, nên cần buộc S phải trả cho anh Đ1 số tiền trên.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định cuả pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 140; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Nguyễn Hồng S 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (12/02/2018).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585; 586 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Văn Đ1 số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng chẵn).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; 26; 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Hồng S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Báo cho bị cáo, người bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện L Ng;*
- *Công an huyện L Ng;*
- *Chi cục THADS huyện L Ng;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu VP và hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Thể